



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00041

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm nguyên liệu dùng sản xuất thức ăn thủy sản phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Tên sản phẩm : Bột đậm từ lợn
– Processed Animal Protein (PAP) Cat.3 Of Porcine / Porcine Meat And Bone Meal)

Số lượng/ khối lượng : 72 bao/ 94.359 kg

Hãng, nước sản xuất : Ecovirtus, S.L. (Spain)

Thuộc lô hàng nhập khẩu

Hợp đồng số : SK-GK_ELPOZO_PORK-41-Q3 ngày 01/8/2025

Hóa đơn số : 9023019193 ngày 15/10/2025

Vận đơn số : LSO0242109

Ngày sản xuất : 12, 15, 19, 27/5/2025; 03/6/2025; 25, 28/8/2025; 01/9/2025

Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 10119/HQ-GDK-TTKN ngày 04/12/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042894)

Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH G.K VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 8 đường N10, Khu phố 2, phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT

Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 96 /QĐ-TTKN
Ngày 09 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 227/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ ThànhMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi PE quần kín.

Mã số mẫu/Sample code : 0182601070

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 05/01/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
1225177/hqv2 BỘT ĐẠM TỪ LỢN - BỘT THỊT XƯƠNG LỢN (PROCESSED ANIMAL PROTEIN (PAP) CAT.3 OF PORCINE / PORCINE MEAT AND BONE MEAL) BNNPTNT29250042894	Asen tổng số (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	AOAC 986.15
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 08/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.